

Bản án số: 49/2022/DS-PT

Ngày: 24 - 02 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Huỳnh Văn Út

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

Ông Lê Hoàng Kh, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực h B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U.

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Chị Trịnh Thúy H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp U, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.

4. Chị Lê Huỳnh Nh, sinh năm 1993.

5. Cháu Trịnh Gia H , sinh năm 2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huy: Chị Lê Huỳnh Nh , sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã Kh , huyện U , tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lê Thị Cẩm H , sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Kh , huyện U , tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H : Luật sư Du Thị B , thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D trình bày: Vào ngày 09/8/2015, ông bà và ông Lê Hoàng Kh có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán tràm với diện tích 06 đến 7,5 ha tại Ấp X, xã Kh, huyện U , tỉnh Cà Mau với giá mỗi ha là 55.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng đến tháng 12 năm 2016. Khi ký hợp đồng ông Kh tự ý sửa hợp đồng, lần đầu hẹn ngày 10/8/2015 nhưng ông Kh sửa thành ngày 12/8/2015, lần sau tháng 11 năm 2015 nhưng ông Kh sửa thành tháng 01 năm 2016. Do đó, ông bà không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tràm với ông Kh , yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán giữa ông bà với ông Kh được ký ngày 09/8/2015 và ông bà đồng ý trả lại số tiền cọc đã nhận 140.000.000 đồng cho ông Kh . Sau khi Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm, ông bà không thống nhất nên đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong thời gian đợi kết quả trả lời của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì cơ quan thi hành án tổ chức thi hành bản án của Tòa án tỉnh. Lúc này ông bà không đồng ý thi hành nên bà H là người đại diện cho ông Kh có thỏa thuận với ông bà giá tràm là 120.000.000 đồng/ha nên ông bà đã đồng ý cho khai thác. Sau khi khai thác thì Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm. Khi Tòa án huyện U Minh thụ lý sơ thẩm lại vụ án có mời ông bà và ông Kh hòa giải. Do ông Kh không thừa nhận mức giá đã thỏa thuận nên ông bà có đơn phản tố yêu cầu ông Lê Hoàng Kh bồi thường tiền chênh lệch giá cây tràm (thời điểm ký hợp đồng so với thời điểm đốn cây) với số tiền là 435.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 03/12/2019, ông bà gửi đơn yêu cầu ông Lê Hoàng Kh trả số tiền lãi của số tiền bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá cây tràm là 222.105.000 (hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Tại phiên tòa, ông bà xin rút yêu cầu về số tiền lãi 222.105.000 (hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm lẻ năm ngàn) đồng, chỉ yêu cầu xem xét giải quyết đối với số tiền 435.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) do

phía ông Kh đã thỏa thuận giá mới của hợp đồng mua bán là 120.000.000 đồng/ha nên ông bà mới đồng ý cho khai thác.

Ông Lê Hoàng Kh trình bày: Vào ngày 09/8/2015, ông với ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D có ký kết hợp đồng mua bán rừng tràm với diện tích 06 đến 7,5 ha tại Ấp X, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau, với giá mỗi ha là 55.000.000 đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng đến cuối tháng 11 năm 2016. Khi làm hợp đồng có mặt ông L, bà D, lúc thỏa thuận là khi ký hợp đồng ông đặt cọc trước 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/8/2015 đưa thêm 90.000.000 đồng, đến tháng 11/2015 giao thêm 50.000.000 đồng, nhưng lúc đó giữa ông với ông L, bà D thỏa thuận sửa lại tháng 01/2016 mới giao tiền cọc lần cuối nhưng khi giao thì ông L, bà D không nhận mà nói là do hẹn trả tiền không đúng thời gian nên đã bán toàn bộ cây tràm cho người khác nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng mua bán tràm giữa ông với ông L, bà D và buộc ông L, bà D phải trả tiền cọc số tiền 140.000.000 đồng, tiền bồi thường tiền cọc với số tiền 140.000.000 đồng, tổng cộng là 280.000.000 đồng. Đến ngày 06/5/2016 ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà D tiếp tục thực hiện theo đúng hợp đồng được ký kết giữa hai bên ngày 09/8/2015. Ngày 22/01/2019, ông có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện do hợp đồng đã được thực hiện. Tại phiên tòa, ông giữ nguyên ý kiến xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu của ông L, bà D về việc bồi thường tiền chênh lệch giá cây tràm với số tiền là 435.500.000 đồng thì ông không đồng ý do ông không biết việc thỏa thuận giá tràm là 120.000.000 đồng/ha.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp U (viết tắt là Công ty U Minh Hạ) trình bày: Ông Trịnh Văn L, bà Phạm Thị D thỏa thuận ký hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Hoàng Kh là do sự tự nguyện của hai bên, không liên quan đến Công ty, đồng thời do bận công việc nên Công ty xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Lê Thị Cẩm H trình bày: Bà được ông Kh ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp với ông L, bà D và trong giai đoạn thi hành án. Quá trình thực hiện hợp đồng là do bà đưa tiền cho ông L, bà D, lúc khai thác cũng do bà và em gái tên Tr trông coi. Bà không thừa nhận có cùng ông L, bà D thỏa thuận giá tràm là 120.000.000 đồng/ha. Cán bộ thi hành án kêu bà ký vào biên bản với lý do đã thi hành án rồi thì không còn ai yêu cầu nữa nên bà ký nhưng không đọc lại nội dung biên bản.

Ông Lê Văn M trình bày: Trước đây ông có gặp ông L, bà D để đưa tiền cọc chứ không phải để giải quyết về việc chấm dứt hợp đồng mua bán cây tràm giữa ông Kh và ông L, bà D bởi vì hợp đồng mua bán do ông Kh ký. Việc tranh chấp giữa ông L, bà D với ông Kh không liên quan đến ông, không ảnh hưởng

đền quyền lợi của ông nên ông yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông.

Chị Trịnh Thúy H trình bày: Khi cha mẹ chị là ông L, bà D ký hợp đồng mua bán với ông Kh thì chị đã có chồng và về bên chồng sinh sống từ năm 2012 nên không có liên quan gì, đồng thời chị yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Chị Lê Huỳnh Nh trình bày: Việc tranh chấp giữa ông L, bà D với ông Kh không liên quan đến chị nên chị không có yêu cầu gì, đồng thời chị đề nghị tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng Kh về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán rừng tràm ngày 09 tháng 8 năm 2015 giữa ông Lê Hoàng Kh với ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D .

Buộc ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D với ông Lê Hoàng Kh tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mua bán rừng tràm ngày 09 tháng 8 năm 2015.

Ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D với ông Lê Hoàng Kh có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc khai thác diện tích cây tràm đã ký ngày 09 tháng 8 năm 2015, khi ông L, bà D và ông Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D về việc hủy hợp đồng mua bán giữa ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D với ông Lê Hoàng Kh được ký ngày ngày 09 tháng 8 năm 2015. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/9/2016, bị đơn là ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hợp đồng mua bán cây tràm giữa ông, bà với ông Lê Hoàng Kh .

Tại bản án phúc thẩm số 270/2016/DS-PT ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện U Minh. Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 298/2018/DS-GĐT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 270/2016/DS-PT ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2016/DS-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án

nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 128, 137, 410 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D .

Tuyên bố Hợp đồng kinh tế về việc mua bán trầm lập ngày 09/8/2015 giữa ông Lê Hoàng Kh với ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D vô hiệu.

Buộc ông Lê Hoàng Kh có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D số tiền 217.750.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D về việc yêu cầu ông Lê Hoàng Kh trả số tiền 217.750.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Lê Hoàng Kh về việc yêu cầu ông L, bà D tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế về việc mua bán trầm lập ngày 09/8/2015. Ông Kh có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/4/2021, ông Lê Hoàng Kh , bà Lê Thị Cẩm H kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hoàng Kh , bà Lê Thị Cẩm H , không buộc ông Kh thanh toán số tiền 435.500.000 đồng và ông L và bà D phải chịu án phí sơ thẩm. Lý do yêu cầu sửa án là bà H không được ông Kh ủy quyền Thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, lý do kháng cáo là bà H không ký bất cứ giấy tờ nào để thỏa thuận với ông L và bà D về giá khai thác trầm và bà cũng không được ủy quyền về việc thi hành án. Giá trầm tại thời điểm khai thác cũng không có giá 120.000.000 đồng/ha vì theo hợp đồng khai thác trầm thể hiện thời điểm khai thác cuối năm 2016 giá là 55.000.000 đồng/ha, đến tháng 3/2017 khai thác thì làm gì có giá 120.000.000 đồng/ha. Ông Kh xin vắng mặt có văn bản nêu ý kiến đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông L và bà D vì giữa ông và bà D ông L đã thỏa thuận được giá khai thác trầm theo hợp đồng và đã khai thác xong trước khi có Quyết định giám đốc thẩm cũng như ông không ủy quyền cho bà H thực hiện thủ tục thi hành án.

Xét cả hai bên đương sự đều thống nhất hiện nay cây trầm đã được khai thác xong và không tiến hành định giá được, các đương sự cũng không có ý kiến. Ông L và bà D xác nhận khi Bản án phúc thẩm số 270 được xét xử xong thì ông bà có đơn yêu cầu Giám đốc thẩm vào ngày 20/12/2016. Đến thời điểm thi hành án vào ngày 06/3/2017 ông bà chưa nhận được bất cứ văn bản nào trả lời đối với yêu cầu Giám đốc thẩm nên Cơ quan Thi hành án tiến hành lập biên bản để thi hành án, sau đó phía ông Kh và bà H tiến hành khai thác trầm xong.

[2] Tại phiên tòa, ông L và bà D cũng thừa nhận khi ký biên bản về xác định giá 120.000.000 đồng/ha thì giá này do chính quyền địa phương xác định và ông bà cũng yêu cầu phía bà H thanh toán giá này, khi khai thác trầm xong ông L và bà D nhận tổng số tiền là 378.500.000 đồng, trong đó giá 01ha là 55.000.000 đồng, khai thác 6,7 ha, nhận thêm 10.000.000 đồng tiền xăng mức, nhận tiền xong thì ông bà có đơn yêu cầu đình chỉ thi hành án vào ngày 14/7/2017.

Tại phiên tòa, bà D xác nhận lý do yêu cầu đình chỉ thi hành án là đã thỏa thuận được với bà H.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và chứng cứ thể hiện thì khi thu hoạch xong ông L và bà D đã nhận tiền và cũng đã có đơn yêu cầu đình chỉ thi hành án. Thời điểm này không thể hiện có sự tranh chấp về giá giữa hai bên và hai bên đã tự thực hiện thi hành bản án của Tòa án hai cấp tỉnh Cà Mau giải quyết. Đến khi có Quyết định Giám đốc thẩm số 298/2018/DS-GĐT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm để thụ lý giải quyết lại thì ông Kh không khởi kiện, ông L và bà D yêu cầu ông Kh phải thanh toán giá 01ha là 120.000.000 đồng.

[3] Bản án sơ thẩm nhận định "...Hội đồng xét xử áp dụng giá 120.000.000 đồng/ha đã được các bên thống nhất trong quá trình thi hành bản án ...". Nhận định này chưa phù hợp với tài liệu thể hiện tại hồ sơ vì theo biên bản về việc thỏa thuận thi hành án vào ngày 06/3/2017 (BL 516) có nội dung ông L và bà D yêu cầu

khảo sát giá địa phương thì được trường ấp xác định giá là 120.000.000 đồng/ha, ông L và bà D thống nhất giá này. Bà H tham gia ký tên không có ý kiến. Tại Văn bản số 371/CCTHADS-NV ngày 01/7/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh có ý kiến nêu rõ “..., các bên không thống nhất về việc giải quyết việc Thi hành án và có yêu cầu để các bên tự thỏa thuận, giải quyết với nhau cũng như xác định giá trảm tại thời điểm đó. Theo yêu cầu của đương sự, Cơ quan Thi hành án lập biên bản (ngày 6/3/2017) ghi lại sự thỏa thuận của các bên và thông báo cho ông L, bà D về việc thi hành án theo nội dung bản án và yêu cầu các bên khi nào thỏa thuận được về việc thi hành án (khai thác trảm) phải thông báo cho Cơ quan thi hành án”. Cũng theo công văn này thể hiện nội dung ngày 14/3/2017 ông Kh rút đơn yêu cầu thi hành án, việc các bên đương sự thỏa thuận khai thác trảm vào thời điểm nào Cơ quan Thi hành án không biết. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận là hai bên thỏa thuận không thông báo cho Cơ quan Thi hành án biết. Lý do bà nhận tiền 55.000.000đồng/ha mà không nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng/ha là bà đợi Quyết định giám đốc thẩm giải quyết lại. Nếu không chấp nhận khai thác thì bà buộc phải bị thi hành bản án nên bà chấp nhận việc khai thác. Điều này lại có căn cứ để không chấp nhận yêu cầu của bà D và ông L về việc yêu cầu ông Kh thanh toán giá chênh lệch vì thời điểm này bà D và ông L đã thống nhất khai thác trảm theo giá ghi trong hợp đồng và cũng không cản trở việc bà H , ông Kh khai thác trảm nên không thông báo đến Cơ quan Thi hành án, thời điểm này chưa có Quyết định Giám đốc thẩm, nên chưa có cơ sở là Quyết định Giám đốc thẩm giải quyết như thế nào và cũng không có tài liệu nào thể hiện được việc bà, ông L và bà H , ông Kh thỏa thuận được việc khai thác trảm giá 120.000.000 đồng/ha. Nếu thật sự có sự thỏa thuận giữa ông L, bà D với bà H khai thác trảm giá 01ha là 120.000.000 đồng/ha thì khi nhận tiền chưa đủ thì ông L và bà D sẽ không yêu cầu đình chỉ thi hành án và cũng sẽ không chấp nhận việc khai thác trảm của ông Kh , buộc ông Kh phải yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành thi hành bản án. Từ khi khai thác trảm tháng 3 năm 2017 đến trước khi tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xét xử lại vào ngày 03/12/2018 thì ông L và bà D cũng không yêu cầu hoặc tranh chấp gì về việc ông Kh phải thanh toán cho đủ số tiền là 120.000.000 đồng/ha.

Do đó, có cơ sở chấp nhận lời tranh luận của bà H và Luật sư về thời điểm khai thác trảm không có sự tranh chấp cũng như Hằng không được sự ủy quyền của ông Kh để thi hành bản án.

[4] Như vậy, hai bên tự thỏa thuận với nhau khai thác trảm, thời điểm khai thác trảm ông L và bà D nhận đúng số tiền theo hợp đồng đã giao kết với ông Kh là 01ha 55.000.000 đồng. Khi khai thác xong ông L và bà D cũng đã tự nguyện yêu cầu đình chỉ thi hành án (BL 518).

Từ căn cứ trên không có cơ sở nào xác định từ khi lập biên bản ngày 6/3/2017 giữa ông Kh và ông L, bà D có thỏa thuận khai thác trầm giá 120.000.000 đồng/ha.

[5] Do khi Quyết định Giám đốc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm để xác định hợp đồng được ký kết giữa ông Kh với ông L và bà D là vô hiệu, trước thời điểm Giám đốc thẩm thì hai bên đã thỏa thuận thi hành xong bản án. Nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L và bà D được nhận số tiền chênh lệch là 435.500.000.000 đồng theo như bản án sơ thẩm Quyết định.

[6] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Kh và bà H, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông L và bà D là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông L và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 435.500.000 đồng là 21.420.000 đồng ($400.000.000 = 20.000.000$; $35.500.000 \times 4\% = 1.420.000$). Ông L và bà D đã dự nộp tạm ứng án phí được đối trừ.

Án phí phúc thẩm ông Kh và bà H không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét giải quyết, có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 142; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hoàng Kh, bà Lê Thị Cẩm H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D về việc buộc ông Lê Hoàng Kh phải trả số tiền 435.500.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

Ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.420.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Ông Trịnh

Văn L và bà Phạm Thị D đã nộp án phí số tiền 600.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0011592 ngày 10/01/2017 và biên lai thu tiền số 001160 ngày 13/02/2017, ông Trịnh Văn L và bà Phạm Thị D nộp tạm ứng án phí số tiền 16.263.000 đồng theo các biên lai thu số 0004231 ngày 25/02/2019 và 0004721 ngày 09/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông L và bà D phải nộp tiếp số tiền còn lại là 4.557.000 đồng.

Án phí phúc thẩm ông Lê Hoàng Kh và bà Lê Thị Cẩm H không phải chịu, ông Lê Hoàng Kh đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010021 ngày 23/4/2012 và bà Lê Thị Cẩm H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010019 ngày 23/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Quế

Huỳnh Văn Út

Hoàng Thị Hải Hà